

Số: 01/TB- PKT

Phú Lương, ngày 08 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã quý IV năm 2025

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND, ngày 30/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 09/9/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lương, khóa I, kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu chi ngân sách xã Phú Lương năm 2025;

Thực hiện nhiệm vụ thu chi dự toán ngân sách xã Phú Lương quý IV năm 2025, Phòng Kinh tế xã Phú Lương tổng hợp và thông báo công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2025 như sau:

1. Nội dung công khai: Công khai thực hiện dự toán quý IV có các biểu 113, 114, 115 và thuyết minh kèm theo thông báo.

2. Thời gian công khai: 30 ngày, kể từ ngày ra thông báo công khai

3. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin của UBND xã Phú Lương, đăng tải trên trang thông tin điện tử: <http://phuluong.thainguyen.gov.vn>

Giao cho Công chức phụ trách tài chính kế toán phối hợp với các đơn vị, trung tâm thuộc xã đôn đốc và giám sát thực hiện công khai theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Các đơn vị, trung tâm thuộc xã;
- Lưu: KT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Thị Phương Mai

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2025

(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-KT, ngày 08/01/2026 của phòng Kinh tế)

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo tốc độ thu ngân sách theo Kế hoạch. Công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, theo dõi chặt chẽ quản lý thuế đối với hộ khoán trong quản lý thu của ngành thuế. Hội đồng tư vấn thuế xã hoạt động tích cực, hiệu quả.

Công tác chi ngân sách đáp ứng kịp thời các khoản chi trong dự toán đã được HĐND các cấp phê chuẩn, đảm bảo chi lương và hoạt động thường xuyên cho các đơn vị dự toán trên địa bàn.

Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán chi ngân sách xã Phú Lương quý IV năm 2025, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn quý IV đạt 84.349,4 triệu đồng, bằng 100,5% kế hoạch. Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách loại trừ thu tiền sử dụng đất đạt 49.885,2 triệu đồng, bằng 117,6% kế hoạch.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 34.464,2 triệu đồng, đạt 83% kế hoạch.

* *Cụ thể chi tiết một số chỉ tiêu thu như sau:*

- Thu từ khu vực DN nhà nước đạt 367 triệu đồng, bằng 108,6% kế hoạch.

- Thuế ngoài quốc doanh đạt 7.636,6 triệu đồng, đạt 69,5% kế hoạch.

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 2,3 triệu đồng, đạt 0,1% kế hoạch.

- Lệ phí trước bạ đạt là 10.041 triệu đồng, đạt 170,9% kế hoạch.

- Thu phí, lệ phí đạt 1.286,1 triệu đồng, đạt 46,9% kế hoạch.

- Thu khác ngân sách đạt 2.050,4 triệu đồng, đạt 16% kế hoạch.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 169 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch.

- Thu tiền cho thuê đất đạt 27.845,2 triệu đồng, đạt 477,4% kế hoạch.

- Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước đạt 140,3 triệu đồng, đạt 107,9% kế hoạch.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 347,4 triệu đồng, đạt 99,3% kế hoạch.



2. Về chi ngân sách

Tổng số chi ngân sách xã quý IV: 395.724,1 triệu đồng đạt 98,1% dự toán giao. Trong đó:

- Chi sự nghiệp từ tiền đất; đầu tư xây dựng cơ bản: 68.896,9 triệu đồng, bằng 209,5% dự toán giao.
- Chi thường xuyên: 306.089,8 triệu đồng, bằng 86,2% dự toán giao.
- Chi dự phòng: 1.742,7 triệu đồng, bằng 57,6% dự toán giao.
- Chi các chương trình mục tiêu: 18.994,7 triệu đồng, bằng 152%.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (QUÝ IV NĂM 2025)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	403.458.044		
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %			
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	403.458.044	305.731.797	76
	- Bổ sung cân đối ngân sách	23.164.000	29.765.200	128
	- Bổ sung có mục tiêu	380.294.044	275.966.597	73
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	403.458.044	395.724.051	98
1	Chi đầu tư phát triển	32.884.711	68.896.935	210
2	Chi thường xuyên	355.050.798	306.089.785	86
3	Dự phòng	3.023.010	1.742.650	58
4	Chi các CTMT	12.499.525	18.994.681	152

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN (QUÝ IV NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	403.458.044	403.458.044	244.708.321	244.708.321	61	61
I	Các khoản thu 100%			14.754.142	14.754.142		
1	Phí, lệ phí			-408.699	-408.699		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-38.887	-38.887		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			14.617.652	14.617.652		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác			584.076	584.076		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)			-2.333.246	-2.333.246		
1	Các khoản thu phân chia						
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			-102.562	-102.562		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất			-197.056	-197.056		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên			-2.742	-2.742		
2.4	Thuế giá trị gia tăng			-548.241	-548.241		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân			-1.482.645	-1.482.645		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN (QUÝ IV NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	403.458.044	403.458.044	232.287.425	232.287.425	58	58
1	Thu bổ sung cân đối	23.164.000	23.164.000	-5.048.400	-5.048.400	-22	-22
2	Thu bổ sung có mục tiêu	380.294.044	380.294.044	237.335.825	237.335.825	62	62

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	B	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (III NĂM 2025)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	403.458.044	32.884.711	370.573.333	395.724.057	82.628.615	313.095.442	98,08	251,27	84,49
	Trong đó:				0					
1	Chi giáo dục	209.478.583	12.286.000	197.192.583	185.768.589	20.064.021	165.704.568	88,68	163,31	84,03
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
3	Chi y tế				3.623.730		3.623.730			
4	Chi văn hóa, thông tin	4.849.385	660.000	4.189.385	4.950.277	108.000	4.842.277	102,08	16,36	115,58
5	Chi phát thanh, truyền thanh				1.043.882		1.043.882			
6	Chi thể dục, thể thao	3.800.000	3.800.000		3.856.797	3.929.284	-72.487	101,49	103,40	
7	Chi bảo vệ môi trường	9.785.789	4.557.000	5.228.789	14.520.794	7.870.505	6.650.289	148,39	172,71	127,19
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.802.761	9.222.711	16.580.050	20.809.808	10.450.771	10.359.037	80,65	113,32	62,48
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	83.204.590	1.600.000	81.604.590	77.073.243	7.719.204	69.354.039	92,63	482,45	84,99
10	Chi cho công tác xã hội	33.388.533		33.388.533	27.740.141		27.740.141	83,08		83,08
11	Chi khác	641.076		641.076	300.000		300.000	46,80		46,80
12	Dự phòng	3.023.010		3.023.010	1.742.650		1.742.650			57,65
13	Chi đối ứng thực hiện các CTMT quốc gia	455.275	133.000	322.275	0				0,00	0,00
14	Chi quốc phòng, an ninh	16.529.517	626.000	15.903.517	13.749.272	1.026.000	12.723.272	83,18	163,90	80,00
14	Chi chuyển nguồn				21.550.193	17.729.152	3.821.041			
15	Chi các chương trình mục tiêu	12.499.525		12.499.525	18.994.681	13.731.678	5.263.003			42,11